TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66**/2024/DSST
Ngày 24-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hạ.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thông;
Bà Trần Mỹ Trang.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Lý Thị Hậu, Thư ký Toà án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*: Bà Đoàn Thị Xuân Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2024về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị KP**, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp Tân Đ 2, xã SĐ, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Chị **Phan Thị T**, sinh năm 1988; nơi cư trú: TT 3, SĐ, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Đặng Văn Nh, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ 6 kp 1, SĐ, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh

3.2. Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp Tân Đ 2, xã SĐ, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị KP trình bày: Vào ngày 21-4-2020 chị T có vay của chị 200.000.000 đồng, hai bên có làm giấy nợ, giấy do chị T viết và ký họ tên. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi theo lãi ngân hàng, nhưng đến nay chị T không trả gốc, lãi nào.

Vào ngày 31-8-2021, chị T vay của vợ chồng 1.000.000.000 đồng. Việc chị T vay tiền có lập hợp đồng vay tại Văn phòng công chứng Bùi Quốc Toàn, có chị và chị T cùng ký tên. Nguồn gốc khoản nợ là chị KP, anh Nh có thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất 12 tờ bản đồ số 21 của vợ chồng chị giá 1.000.000.000 đồng. Nhưng do không có tiền trả nên xin nợ lại tiền đất này, do tin tưởng chị T nên vợ chồng chị đồng ý cho nợ và hai bên làm giấy nợ như trên. Về thửa đất 12 tờ bản đồ số 21 anh Nh là người ký hợp đồng chuyển nhượng với vợ chồng chị, hiện anh Nh đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào ngày 01-10-2021, chị T chuyển khoản trả chị 500.000.000 đồng tiền gốc, hiện còn nợ gốc 500.000.000 đồng, tiền lãi chưa trả khoản nào. Việc chị T và anh Nh thỏa thuận như thế nào liên quan đến thửa đất 12 tờ bản đồ số 21 là do chị T và anh Nh, không liên quan vợ chồng chị. Chị yêu cầu một mình chị T trả chị số tiền 500.000.000 đồng còn nợ đúng như thỏa thuận tại hợp đồng ngày vay 31-8-2021.

Như vậy, nay chị khởi kiện yêu cầu chị Phan Thị T trả cho vợ chồng chị số tiền gốc 700.000.000 đồng và tiền lãi tính kể từ ngày vay với mức lãi 20% theo quy định pháp luật.

Chị Phan Thị T trình bày: Lời trình bày chị KP về việc chị vay 200.000.000 đồng là đúng. Chị đồng ý một mình trả cho vợ chồng chị KP. Số tiền này chị đã trả lãi cho vợ chồng chị KP từ ngày vay 21-4-2020 đến 21-6-2022, mức lãi đã đóng là 5.000.000 đồng/01 tháng/200.000.000 đồng, trả 26 tháng với số tiền 130.000.000 đồng. Tiền lãi đã trả theo hình thức chuyển khoản từ tài khoản số 6661119999 của chị chuyển vào tài khoản cá nhân của Chị KP. Chị T đồng ý trả cho chị KP số tiền gốc 200.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, yêu cầu khấu trừ số tiền lãi đã trả.

Về số tiền 500.000.000 đồng: Chị thừa nhận có ký vay chị KP 1.000.000.000 đồng, hai bên có làm giấy nợ tại văn phòng công chứng Bùi Quốc Toàn. Ngày 01-10-2021, chị chuyển khoản trả chị KP 500.000.000 đồng, hiện còn nợ 500.000.000 đồng là đúng. Nay chị đồng ý trả cho vợ chồng chị KP số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi chưa trả theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, việc chị ký vay vợ chồng chị KP số tiền 1.000.000.000 đồng là để mua thửa đất số 12 tờ bản đồ 21 của vợ chồng chị KP, sau đó chị đã nhờ anh Nh đứng tên giùm diện tích đất này. Nay chị yêu cầu anh Nh có trách nhiệm liên đới cùng chị trả nợ cho vợ chồng chị KP.

Anh Nguyễn Trọng T trình bày: Thống nhất với lời trình bày và quyết định của Chị KP.

Anh Đặng Văn Nh trình bày: Anh và chị T trước đây có mối quan hệ chung sống như vợ chồng, hiện không còn chung sống từ năm 2022 đến nay; vợ chồng chị KP, anh T thì chỉ quen biết bình thường. Anh không đồng ý lời khai của chị T về việc anh đứng tên giùm chị T thửa đất số 12 tờ bản đồ số 21. Việc anh chuyển nhượng thửa đất 12 tờ bản đồ số 21 của chị KP, anh T vào ngày 30-8-2021 là việc làm ăn riêng của anh, không liên quan chị T. Anh đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 12 tờ bản đồ số 21 vào ngày

17-9-2021. Chị T trình bày việc anh đứng tên giùm chị T thì có nghĩa vụ phải chứng minh. Việc vay tiền giữa Chị KP và chị T thì anh không biết, anh không có ký tên nhận nợ. Quá trình anh và chị T còn chung sống, anh nhiều lần đưa tiền cho chị T để làm ăn, nhưng không có khoản tiền nào 500.000.000 đồng để chị T trả tiền đất cho chị KP. Nay chị T có ý kiến anh phải liên đới cùng chị trả nợ 500.000.000 đồng cho chị KP, anh T thì anh không đồng ý, vì khoản vay này không liên quan anh.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị KP thừa nhận có nhận 100.000.000 đồng tiền lãi của số tiền gốc 200.000.000 đồng, đồng ý xem xét lại tiền lãi theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 469, 470 BLDS Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị KP đối với chị T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản:

Buộc chị T có trách nhiệm trả cho chị KP số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng, tính lãi suất theo quy định pháp luật, khấu trừ số tiền lãi 100.000.000 đồng đã nhận.

Đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nh, chị T có đơn xin vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Đối với số tiền tranh chấp 200.000.000 đồng:

Chị T thừa nhận vào ngày 21-4-2020 chị có vay và còn nợ vợ chồng chị KP, anh T số tiền gốc 200.000.000 đồng; đồng ý trả số tiền này và lãi suất theo quy định của pháp luật

Chị T cho rằng đã trả lãi 5.000.000 đồng/tháng/200.000.000 đồng từ tài khoản số 6661119999 của chị đến tài khoản chị KP với tổng số tiền 130.000.000 đồng, chị yêu cầu khấu trừ số tiền lãi chị phải trả. Qua kiểm tra sổ phụ tài khoản số 6661119999 do chị T cung cấp thì không thể hiện có việc chuyển trả lãi như chị trình bày; tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm chị KP thừa nhận có nhận tiền lãi của chị T nhiều lần với tổng số tiền 100.000.000 đồng, đồng ý khấu trừ theo quy

định, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại giấy nhận nợ không thể hiện lãi suất, nhưng các bên khai thống nhất về mức lãi thỏa thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, số tiền 200.000.000 đồng tính mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 21-4-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 49 tháng 03 ngày.

Số tiền lãi phát sinh theo quy định: 200.000.000 đồng x 20%/năm x 49 tháng 03 ngày = 163.667.000 đồng (làm tròn).

Khấu trừ tiền lãi chị KP đã nhận: 163.667.000 đồng - 100.000.000 đồng = 63.667.000 đồng

Số tiền chị T còn phải trả tổng cộng gốc, lãi là:

200.000.000 đồng + 63.667.000 đồng = 263.667.000 đồng.

[2.2] Đối với số tiền tranh chấp 500.000.000 đồng:

Chị T thừa nhận vào ngày 30-8-2021 có ký vay chị KP 1.000.000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng vay tài sản tại Văn Phòng công chứng Bùi Quốc Toàn. Vào ngày 01-10-2021, chị T đã trả chị KP 500.000.000 đồng tiền gốc, hiện còn nợ gốc 500.000.000 đồng, tiền lãi theo mức lãi ngân hàng nhưng chưa trả khoản nào. Nay chị T đồng ý trả 500.000.000 đồng và tiền lãi nhưng chị yêu cầu anh Nh cùng liên đới trả khoản nợ này, nhưng anh Nh không đồng ý. Chị KP, anh T không yêu cầu anh Nh liên đới trả nợ do không liên quan đến số tiền tranh chấp.

Thấy rằng, cùng ngày 30-8-2021 tại văn Phòng công chứng Bùi Quốc Toàn, chị T ký hợp đồng vay Chị KP, anh T số tiền 1.000.000.000 đồng, số công chứng 3829; đồng thời chị KP, anh T ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 12 tờ bản đồ số 21 cho anh Nh với giá chuyển nhượng 100.000.000 đồng, số công chứng 3830. Tại thời điểm này có mặt các bên đương sự nhưng chị T không yêu cầu anh Nh cùng ký tên nhận nợ 1.000.000.000 đồng với chị KP, anh T. Ngày 17-9-2021, anh Nh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 12 tờ bản đồ số 21, chị T biết nhưng không có phản đối. Ngày 01-10-2021 chị T trả cho Chị KP số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án này, tại biên bản hòa giải ngày 22-02-2024, chị T xác định khoản nợ 500.000.000 đồng là nợ cá nhân của chị, đồng ý một mình trả nợ cho chị KP, anh T; giao dịch nữa chị và anh Nh không liên quan vụ án. Đồng thời tại các hồ sơ thụ lý số 55/2023 ngày 16-02-2023, số 379/2023 ngày 05-7-2023 đã được đình chỉ giải quyết trong năm 2023 liên quan đến số tiền tranh chấp, chị T đều xác định rõ khoản tiền tranh chấp là nợ riêng của chị, không liên quan anh Nh. Nay chị đề nghị anh Nh liên đới cùng chị trả nợ nhưng anh Nh không đồng ý; chị KP, anh T cũng không yêu cầu anh Nh liên đới cùng chị T trả nợ; do đó không có căn cứ chấp nhận đề nghị của chị T. Về giao dịch giữa chị T và anh Nh các bên giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Chị T, chị KP khai thống nhất số tiền 500.000.000 đồng hai bên thỏa thuận lãi theo mức lãi ngân hàng. Căn cứ khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, số tiền 500.000.000 đồng tính mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 01-10-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 31 tháng 23 ngày.

Số tiền lãi phát sinh: 500.000.000 đồng x 20%/năm x 31 tháng 23 ngày = 264.722.000 đồng (làm tròn).

Tổng cộng gốc, lãi là: 500.000.000 đồng + 264.722.000 đồng = 764.722.000 đồng.

Như vậy, chị T có nghĩa vụ trả chị KP, anh T tổng số tiền:

263.667.000 đồng + 764.722.000 đồng = 1.028.389.000 đồng.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị KP, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chị T phải chịu 42.852.000 đồng (làm tròn).

Chị KP, anh T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị KP về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị Phan Thị T.

1.1. Buộc chị Phan Thị T có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị KP, anh Nguyễn Trọng T số tiền 1.028.389.000 *(một tỷ không trăm hai mươi tám triệu ba trăm tám mươi chín nghìn)* đồng (trong đó tiền gốc 700.000.000 đồng, tiền lãi 328.389.000 đồng).

1.2. Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày 25-5-2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Chị KP, anh T không phải chịu. Chi cục Thi hành án Huyện Dương Minh Châu hoàn trả cho chị Nguyễn Thị KP 16.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0007234 ngày 12-01-2024.

2.2. Chị Phan Thị T phải chịu 42.852.000 *(bốn mươi hai triệu tám trăm năm mươi hai nghìn)* đồng.

3. Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND Huyện DMC,
- Chi cục THA H.DMC,
- Các đương sự.
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TẠ THỊ HẠ